

Số: 559 /TB-ĐHKTKTCN

Hà Nội, ngày 18 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO

V/v thu hồ sơ ĐKXT đại học hệ chính quy theo hình thức Xét kết quả học bạ THPT - Đợt 2 năm 2020

- Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành của Bộ GD&ĐT;
- Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp và kết quả xét tuyển, nhập học đợt 1 từ ngày 06/9/2020 đến ngày 18/9/2020.

Nhà trường thông báo thu hồ sơ ĐKXT đại học hệ chính quy theo hình thức xét kết quả học bạ THPT - Đợt 2 năm 2020 với các nội dung như sau:

1. Ngành tuyển sinh và tổ hợp môn xét tuyển:

TT	Mã ngành theo cơ sở đào tạo	Tên ngành	Chỉ tiêu	Điểm điều kiện nộp hồ sơ	Tổ hợp môn xét tuyển
I	Cơ sở Hà Nội		1.023		
1	7540101DKK	Ngành Công nghệ thực phẩm	36	≥19.0	A00; A01; B00 và D01
		Chuyên ngành Công nghệ đồ uống và đường bánh kẹo			
		Chuyên ngành Công nghệ chế biến và bảo quản nông sản			
2	7220201DKK	Ngành Ngôn ngữ Anh	44	≥18.5	A01 và D01
		Chuyên ngành Biên phiên dịch			
		Chuyên ngành Giảng dạy			
3	7540202DKK	Ngành Công nghệ sợi, dệt	7	≥18.0	A00; A01; C01 và D01
4	7540204DKK	Ngành Công nghệ dệt, may	60	≥21.5	
		Chuyên ngành Công nghệ may			
		Chuyên ngành Thiết kế Thời trang			
5	7480201DKK	Ngành Công nghệ thông tin	126	≥22.0	
		Chuyên ngành Công nghệ thông tin			
		Chuyên ngành Hệ thống thông tin			
		Chuyên ngành Truyền dữ liệu và mạng máy tính			
6	7480102DKK	Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	28	≥20.0	
		Chuyên ngành Mạng máy tính & truyền thông dữ liệu			
		Chuyên ngành An toàn thông tin			
7	7510301DKK	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	69	≥21.5	
		Chuyên ngành Điện dân dụng và công nghiệp			
		Chuyên ngành Hệ thống cung cấp điện			
		Chuyên ngành Thiết bị điện, điện tử			

8	7510303DKK	Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	68	≥22.0	A00; A01; C01 và D01
		<i>Chuyên ngành Tự động hóa công nghiệp</i>			
		<i>Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và hệ thống thông minh</i>			
		<i>Chuyên ngành Thiết bị đo thông minh</i>			
9	7510302DKK	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	58	≥19.0	
		<i>Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông</i>			
		<i>Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử</i>			
10	7510201DKK	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	69	≥20.0	
		<i>Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy</i>			
		<i>Chuyên ngành Máy và cơ sở thiết kế máy</i>			
11	7510203DKK	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	37	≥20.5	
		<i>Chuyên ngành Kỹ thuật Robot</i>			
		<i>Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử</i>			
		<i>Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử trên Ô tô</i>			
12	7340301DKK	Ngành Kế toán	189	≥19.5	
		<i>Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp</i>			
		<i>Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn</i>			
		<i>Chuyên ngành Kế toán công</i>			
		<i>Chuyên ngành Kế toán kiểm toán</i>			
13	7340101DKK	Ngành Quản trị kinh doanh	126	≥20.5	
		<i>Chuyên ngành Quản trị kinh doanh</i>			
		<i>Chuyên ngành Quản trị Marketing</i>			
		<i>Chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng</i>			
14	7340121DKK	Ngành Kinh doanh thương mại	32	≥19.5	
		<i>Chuyên ngành Kinh doanh thương mại</i>			
		<i>Chuyên ngành Thương mại điện tử</i>			
15	7340201DKK	Ngành Tài chính - Ngân hàng	74	≥18.5	
		<i>Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp</i>			
		<i>Chuyên ngành Ngân hàng</i>			
		<i>Chuyên ngành Tài chính bảo hiểm</i>			
		<i>Chuyên ngành Đầu tư tài chính</i>			
16	7480108DKK	Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính	Nhà trường dự kiến tuyển sinh trong đợt tiếp theo		
17	7810103DKK	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			
		<i>Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn</i>			
II	Cơ sở Nam Định		438		
1	7540101DKD	Ngành Công nghệ thực phẩm	15	≥17.5	A00; A01; B00 và D01
		<i>Chuyên ngành Công nghệ đồ uống và đường bánh kẹo</i>			
		<i>Chuyên ngành Công nghệ chế biến và bảo quản nông sản</i>			

2	7220201DKD	Ngành Ngôn ngữ Anh	19	≥16.5	A01 và D01
		<i>Chuyên ngành Biên phiên dịch</i>			
		<i>Chuyên ngành Giảng dạy</i>			
3	7540202DKD	Công nghệ sợi, dệt	3	≥16.5	A00; A01; C01 và D01
4	7540204DKD	Ngành Công nghệ dệt, may	25	≥18.5	
		<i>Chuyên ngành Công nghệ may</i>			
		<i>Chuyên ngành Thiết kế Thời trang</i>			
5	7480201DKD	Ngành Công nghệ thông tin	54	≥18.5	
		<i>Chuyên ngành Công nghệ thông tin</i>			
		<i>Chuyên ngành Hệ thống thông tin</i>			
		<i>Chuyên ngành Truyền dữ liệu và mạng máy tính</i>			
6	7480102DKD	Ngành Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	12	≥17.5	
		<i>Chuyên ngành Mạng máy tính & truyền thông dữ liệu</i>			
		<i>Chuyên ngành An toàn thông tin</i>			
7	7510301DKD	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	30	≥18.0	
		<i>Chuyên ngành Điện dân dụng và công nghiệp</i>			
		<i>Chuyên ngành Hệ thống cung cấp điện</i>			
		<i>Chuyên ngành Thiết bị điện, điện tử</i>			
8	7510303DKD	Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	29	≥18.5	
		<i>Chuyên ngành Tự động hóa công nghiệp</i>			
		<i>Chuyên ngành Kỹ thuật điều khiển và hệ thống thông minh</i>			
		<i>Chuyên ngành Thiết bị đo thông minh</i>			
9	7510302DKD	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	25	≥17.5	
		<i>Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông</i>			
		<i>Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử</i>			
10	7510201DKD	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí	30	≥18.0	
		<i>Chuyên ngành Công nghệ chế tạo máy</i>			
		<i>Chuyên ngành Máy và cơ sở thiết kế máy</i>			
11	7510203DKD	Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	16	≥18.0	
		<i>Chuyên ngành Kỹ thuật Robot</i>			
		<i>Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử</i>			
		<i>Chuyên ngành Hệ thống Cơ điện tử trên Ô tô</i>			
12	7340301DKD	Ngành Kế toán	81	≥17.5	
		<i>Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp</i>			
		<i>Chuyên ngành Kế toán nhà hàng khách sạn</i>			
		<i>Chuyên ngành Kế toán công</i>			
		<i>Chuyên ngành Kế toán kiểm toán</i>			

13	7340101DKD	Ngành Quản trị kinh doanh	54	≥18.5	A00; A01; C01 và D01
		<i>Chuyên ngành Quản trị kinh doanh</i>			
		<i>Chuyên ngành Quản trị Marketing</i>			
		<i>Chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng</i>			
14	7340121DKD	Ngành Kinh doanh thương mại	13	≥17.5	
		<i>Chuyên ngành Kinh doanh thương mại</i>			
		<i>Chuyên ngành Thương mại điện tử</i>			
15	7340201DKD	Ngành Tài chính - Ngân hàng	32	≥16.5	
		<i>Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp</i>			
		<i>Chuyên ngành Ngân hàng</i>			
		<i>Chuyên ngành Tài chính bảo hiểm</i>			
		<i>Chuyên ngành Đầu tư tài chính</i>			
16	7480108DKD	Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính	Nhà trường dự kiến tuyển sinh trong đợt tiếp theo		
17	7810103DKD	Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			
		<i>Chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và khách sạn</i>			
Cộng			1.461		

Ghi chú:

- 85% các ngành Nhà trường đang đào tạo đạt chuẩn kiểm định. Được công nhận là Trường hàng đầu cả nước có tỷ lệ đạt chuẩn kiểm định cao nhất;
- Dự kiến điểm trúng tuyển đợt 2 bằng với điểm điều kiện nộp hồ sơ trong bảng trên;
- Hai ngành số thứ tự 16, 17 Nhà trường dự kiến sẽ tuyển sinh trong đợt 3 từ ngày 12/10/2020: Thí sinh có thể đăng ký mới hoặc đổi từ ngành đã đăng ký tại Trường.

- Ký hiệu các tổ hợp môn:

- + A00: Toán - Vật lí - Hóa học;
- + A01: Toán - Vật lí - Anh văn;
- + B00: Toán - Sinh học - Hóa học;
- + C01: Toán - Vật lí - Ngữ văn;
- + D01: Toán - Anh văn - Ngữ văn.

Các tổ hợp môn xét tuyển có giá trị ngang nhau trong cùng đợt xét tuyển.

2. Đối tượng và điều kiện xét tuyển:

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Dựa vào kết quả học bạ THPT để xét tuyển, cụ thể: Điểm trung bình của 3 năm học (điểm tổng kết lớp 10, điểm tổng kết lớp 11 và điểm tổng kết lớp 12) của các môn trong tổ hợp xét tuyển theo công thức: $\text{ĐXT} = M_1 + M_2 + M_3$. Trong đó: M_1 là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 10; M_2 là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 11; M_3 là điểm trung bình các môn tổ hợp lớp 12.

- Hạnh kiểm cả năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 đạt loại Khá trở lên.

3. Phương pháp xét tuyển và xác định điểm trúng tuyển:

- Căn cứ chỉ tiêu dành cho phương thức này để xét tuyển;
- Điểm trúng tuyển được xác định theo độ dốc từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu;
- ĐTT (Điểm trúng tuyển) = ĐXT (Điểm xét tuyển) + ĐƯT (Điểm ưu tiên theo quy định hiện hành trong Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

4. Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- 01 Phiếu đăng ký xét tuyển theo mẫu của Nhà trường. Thí sinh truy cập website: www.tuyensinh.uneti.edu.vn để tải miễn phí;
- 01 bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với học sinh tốt nghiệp năm 2020;
- 01 bản sao công chứng Học bạ THPT;
- 01 bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;
- 01 bản sao Giấy khai sinh;
- 01 phong bì đã dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để Nhà trường thông báo kết quả nếu trúng tuyển;
- 01 bản sao công chứng Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Ghi chú: Mỗi thí sinh có thể đăng ký nhiều nguyện vọng trong cùng đợt xét tuyển.

5. Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:

- Thí sinh nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại các cơ sở đào tạo của Nhà trường hoặc nộp qua đường bưu điện bằng hình thức chuyển phát nhanh từ ngày 18/9/2020 đến hết ngày 10/10/2020. Nhà trường ưu tiên xét tuyển cho những thí sinh nộp hồ sơ trước.

Thí sinh có thể đăng ký xét tuyển trực tuyến trên website theo đường link: <http://xettuyen.uneti.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen-hoc-ba.html>

- Dự kiến công bố kết quả đợt 2: Trước ngày 11/10/2020.

6. Lệ phí đăng ký xét tuyển: 30.000 đồng/nguyên vọng.

- Thí sinh nộp hồ sơ ĐKXT qua đường bưu điện phải nộp lệ phí ĐKXT vào tài khoản của Nhà trường, nếu không thực hiện thí sinh sẽ không được đưa vào danh sách xét tuyển;
- Số tài khoản của Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp nhận lệ phí ĐKXT năm 2020: 1420201004334 tại Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chi nhánh Đông Hà Nội.

Ghi chú: Nội dung chuyển tiền thí sinh cần ghi chính xác thông tin cá nhân như: Họ tên, ngày tháng năm sinh, số CMND hoặc Thẻ CCCD, lệ phí xét tuyển đại học hệ chính quy theo hình thức xét học bạ THPT...

7. Chính sách ưu đãi và ưu tiên xét tuyển:

- Ưu tiên điểm xét tuyển **thấp hơn** và miễn phí 500 chỗ ở KTX năm học 2020 - 2021 cho thí sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nguyện vọng học tập tại cơ sở Nam Định;
- Trong trường hợp ngành học mà thí sinh trúng tuyển không đủ số lượng để mở lớp, Nhà trường sẽ ưu tiên cho thí sinh được chuyển cơ sở đào tạo hoặc ngành học tương ứng;
- Thí sinh trúng tuyển nhập học được hưởng học bổng khuyến khích học tập, chính sách ưu tiên, ưu đãi theo quy định hiện hành;
- Năm học 2020 - 2021 Nhà trường áp dụng chính sách cấp “*Học bổng khuyến khích tài năng*” và “*Học bổng hỗ trợ học tập*” cho thí sinh trúng tuyển và nhập học trong kỳ tuyển sinh năm 2020, nhằm khuyến khích những thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, đồng thời tạo điều kiện cho những thí sinh có hoàn cảnh khó khăn có cơ hội và yên tâm học tập tại Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp, cụ thể:
 - + Cấp 10 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 1 với mức bằng 140% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;
 - + Cấp 20 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 2 với mức bằng 120% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;
 - + Cấp 100 suất học bổng khuyến khích tài năng (học bổng KKTN) - Nhóm 2 với mức bằng 100% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;
 - + Cấp 350 suất học bổng hỗ trợ học tập (học bổng HTHT) với mức 50% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

+ Cấp 450 suất học bổng hỗ trợ học tập (học bổng HTHT) với mức 25% học phí theo chương trình đào tạo chuẩn;

Số lượng suất học bổng được phân chia cho các ngành như sau:

TT	Ngành	Số suất học bổng dự kiến					Cộng
		Học bổng KKTN			Học bổng HTHT		
		Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3	Nhóm 1	Nhóm 2	
1	Kế toán	1	2	10	45	45	103
2	Quản trị kinh doanh	1	1	8	35	42	87
3	Tài chính - Ngân hàng	1	2	8	35	40	86
4	Kinh doanh thương mại	0	1	5	15	20	41
5	Công nghệ sợi, dệt	0	1	4	10	15	30
6	Công nghệ dệt, may	0	1	7	20	30	58
7	Công nghệ thực phẩm	0	2	5	20	30	57
8	Công nghệ thông tin	1	1	7	30	32	71
9	CN kỹ thuật ĐK và tự động hóa	1	1	7	30	32	71
10	CN kỹ thuật điện, điện tử	1	1	5	10	20	37
11	CN kỹ thuật điện tử - viễn thông	1	3	12	40	52	108
12	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	1	1	7	30	32	71
13	Mạng MT và truyền thông DL	1	1	5	10	20	37
14	CN kỹ thuật cơ điện tử	1	1	5	10	20	37
15	Ngôn ngữ Anh	0	1	5	10	20	36
Cộng		10	20	100	350	450	930

Mức kinh phí cụ thể cho các suất học bổng:

Loại học bổng	Số suất	Mức học bổng /suất/tháng (đồng)	Mức học bổng /suất/học kỳ (đồng)	Tổng cộng học bổng cấp cho SV (đồng)
Học bổng KKTN - Nhóm 1	10	2,240,000	11,200,000	112,000,000
Học bổng KKTN - Nhóm 2	20	1,920,000	9,600,000	192,000,000
Học bổng KKTN - Nhóm 3	100	1,600,000	8,000,000	800,000,000
Học bổng HTHT - Nhóm 1	350	800,000	4,000,000	1,400,000,000
Học bổng HTHT - Nhóm 2	450	400,000	2,000,000	900,000,000
Tổng cộng	930			3.404.000.000

Ghi chú: Chi tiết nội dung về điều kiện xét học bổng được quy định tại Thông báo số 185/TB-ĐHKTKTCN ngày 13/04/2020 của Hiệu trưởng Nhà trường.

8. Các mô hình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội dành cho sinh viên:

Nhà trường tạo điều kiện cho các Sinh viên đăng ký các lớp theo nhu cầu cụ thể như sau:

8.1. Mô hình đào tạo song song hai chương trình: Nhà trường triển khai đào tạo song song hai chương trình, sinh viên có đủ điều kiện được tham gia học tập ngành đào tạo thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai bằng đại học hệ chính quy.

8.2. Mô hình đào tạo theo chuyên ngành: Sinh viên được đăng ký học các chuyên ngành như trong mục 1 nếu đủ số lượng để mở lớp.

8.3. Mô hình đào tạo, tổ chức lớp chất lượng:

Sinh viên các lớp CHẤT LƯỢNG được Nhà trường cam kết các nội dung sau đây:

Năng lực ngoại ngữ:

- Chuẩn đầu ra tiếng Anh đạt trình độ IELTS 5.5, B2 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương;

- Được học một số học phần trong chương trình đào tạo bằng tiếng Anh.

Kỹ năng mềm được đào tạo bao gồm:

- Kỹ năng lắng nghe;
- Kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng quản lý thời gian;
- Kỹ năng giải quyết vấn đề;
- Kỹ năng làm việc theo nhóm;
- Khả năng linh hoạt, thích nghi nhanh với sự thay đổi;
- Kỹ năng làm việc áp lực cao.

Đào tạo thực tế tại doanh nghiệp hợp tác với Nhà trường: Được Nhà trường giới thiệu đào tạo tại các doanh nghiệp lớn, uy tín.

Điều kiện cơ sở vật chất và dịch vụ:

- Được sử dụng các phòng học riêng;
- Số sinh viên mỗi lớp < 30;
- Được tạo điều kiện hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính sinh viên;
- Được giảng dạy bởi giảng viên có uy tín.

Quyền lợi của người học:

- Ưu tiên tham gia các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế của Nhà trường như chương trình trao đổi sinh viên, chương trình thực tập sinh quốc tế;

- Được cấp các chứng nhận kỹ năng nghề nghiệp đối với các học phần đào tạo nâng cao;

- Được ưu tiên giới thiệu làm việc tại những doanh nghiệp có hợp tác đào tạo với Nhà trường.

8.4. Mô hình đào tạo hợp tác doanh nghiệp: Năm cuối sinh viên có cơ hội được doanh nghiệp tuyển dụng, hỗ trợ học phí và học tập tại doanh nghiệp theo chương trình hợp tác giữa Nhà trường và doanh nghiệp;

8.5. Mô hình đào tạo hợp tác Quốc tế: Sinh viên có cơ hội tham gia các chương trình trao đổi sinh viên, du học, thực tập sinh... tại các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan.

9. Địa chỉ liên hệ nộp hồ sơ ĐKXT: Phòng Tuyển sinh và Truyền thông

- Cơ sở Hà Nội:

+ Phòng 109 nhà HA3, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp - ngõ 454, Phố Minh Khai, P.Vĩnh Tuy, Q.Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.

+ Nơi giải quyết thủ tục sinh viên - Tầng 1 nhà HA8, khu giảng đường Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp - Ngõ 218 Đường Lĩnh Nam, Q.Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

- Cơ sở Nam Định: Nơi giải quyết thủ tục sinh viên - Tầng 1 nhà NA2, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp - Số 353, Trần Hưng Đạo, TP.Nam Định.

- Điện thoại: 02436331854; Hotline: 0962698288

- Email: tuyensinh@uneti.edu.vn

- Website: www.uneti.edu.vn ; www.tuyensinh.uneti.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HĐQT

Nơi nhận:

- Website trường;
- Các Phó CTHĐTS;
- Các đơn vị, lớp sv;
- Lưu VT, TS&TT.

(đã ký)

TS. Trần Hoàng Long

PHIẾU ĐKXT ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2020
HÌNH THỨC XÉT KẾT QUẢ HỌC BẠ THPT

1. **Họ, chữ đệm và tên của thí sinh:**.....
(Viết đúng như trong giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu) **Giới tính:** (Nữ ghi 1, Nam ghi 0)
2. **Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:**
(Nếu ngày và tháng sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 ở ô đầu) Ngày Tháng Năm
3. **Nơi sinh:** (tỉnh hoặc thành phố)....., **4. Dân tộc:**.....
5. **Số CMND/Thẻ CCCD:** (Ghi mỗi số vào một ô)
6. **Hộ khẩu thường trú:**.....

Mã tỉnh (tp): Mã huyện (quận): Mã xã (phường):
Hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại khu vực I Hộ khẩu thường trú trên 18 tháng tại xã đặc biệt khó khăn

7. **Tên trường THPT lớp 12:**....., **Mã trường:**

8. **Học lực lớp 12:**....., **Hạng kiểm lớp 12:**.....
9. **Đối tượng ưu tiên tuyển sinh:** Khoanh tròn vào loại đối tượng ưu tiên được hưởng (01, 02, 03, 04, 05, 06, 07) sau đó ghi ký hiệu vào 2 ô bên cạnh, nếu không thuộc diện ưu tiên thì để trống
10. **Khu vực tuyển sinh:** Thuộc khu vực nào thì khoanh tròn vào ký hiệu của khu vực đó: KV1, KV2-NT, KV2, KV3 sau đó ghi mã khu vực vào ô trống

11. **Năm tốt nghiệp THPT hoặc tương đương:** Ghi đủ 4 số của năm tốt nghiệp vào ô

12. **Đăng ký xét tuyển ngành:**

TT	Nguyện vọng	Tên ngành	Mã ngành theo cơ sở	Mã tổ hợp xét tuyển
1	NV1			
2	NV2			
3	NV3			
4	NV4			
5	NV5			
...			

13. **Có đăng ký xét tuyển đại học năm 2020:**

- Vào Trường Đại học KT - KT Công nghiệp bằng hình thức xét kết quả thi THPT
- Vào các trường khác: Xét học bạ THPT Xét kết quả thi THPT

14. **Hồ sơ nộp kèm phiếu ĐKXT:**

- 01 bản sao công chứng Bằng tốt nghiệp THPT hoặc Giấy CNTN tạm thời năm 2020
- 01 bản sao công chứng Học bạ THPT
- 01 bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân
- 01 bản sao Giấy khai sinh
- 01 phong bì đã dán tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh
- 01 bản sao công chứng Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có)

15. **Địa chỉ liên hệ của thí sinh:**.....

Điện thoại liên lạc:..... Email:.....

Tôi xin cam đoan những nội dung ghi trong phiếu ĐKXT này là hoàn toàn là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu xử lý theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ngày.....tháng.....năm 2020

Thí sinh

(Ký và ghi rõ họ, tên)